TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày 08-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Dương Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Hường
2. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hà Hương - chức vụ: Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Dim Kbuôr - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 31/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Hữu S (còn gọi là: Anh B), sinh năm 1955. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn 4, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1973 và chị Phạm Thị C, sinh năm 1973. (Đều vắng mặt)
Cùng trú tại: Thôn 10, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Hữu S trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C trú tại thôn 10, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk nên vào ngày 14/4/2013 (Dlịch) vợ chồng anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C hỏi vay mượn tiền của tôi thì tôi đã cho vợ chồng anh T, chị C vay số tiền là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng). Khi vay tiền thì giữa hai bên có lập giấy vay tiền, có chữ ký chữ viết của cả hai vợ

chồng anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C. Theo giấy vay có nêu mức lãi là 2%/năm. Thời hạn trả là ngày 14/6 dương lịch. Mục đích vay tiền của anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C là về để làm ăn. Tuy nhiên theo giấy vay tiền thì không nêu mục đích vay.

Đến ngày hẹn trả ngày 14/6 dương lịch thì vợ chồng T - C vẫn chưa có tiền để trả tôi nên vợ chồng anh T, chị C có hẹn lại ngày trả là ngày 30/2 âm lịch và có chữ ký, chữ viết của chị Phạm Thị C dưới mục giấy vay tiền.

Đến ngày 30/2 âm lịch thì anh T - chị C vẫn chưa trả cho tôi. Mãi đến ngày 29/5/2017, tôi yêu cầu anh T - chị C trả nợ thì anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C lại tiếp tục khất hẹn nợ. Cụ thể chị C "hẹn đến cuối năm tháng 11 năm 2017 âm lịch sẽ thanh toán cả gốc và lãi". Kể từ đó cho đến nay tôi đã nhiều lần yêu cầu anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C trả số tiền vay gốc là 119.000.000 đồng và tiền lãi như thỏa thuận cho tôi nhưng họ vẫn không chịu trả.

Khi vay thì anh T, chị C có đưa cho tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 390221, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, diện tích 8250m^2, tọa lạc tại xã Cư H, huyện Ea K do UBND huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Lê Đình N vào ngày 14/11/1998. Đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang hộ ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị C vào ngày 18/6/2008 (Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 178 ngày 02 tháng 05 năm 2008).

Do anh T, chị C không chịu trả tiền. Vì vậy, tôi đã làm đơn khởi kiện vợ chồng anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C ra Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C trả cho tôi là ông Đoàn Hữu S số tiền vay gốc là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Làm việc tại Tòa án, thì anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C đã trả được cho tôi số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Hiện anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C còn nợ lại tôi số tiền 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng). Do đó tôi đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đã trả, đồng thời đối với tiền lãi suất của số tiền vay thì tôi rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần lãi suất nữa. Tôi chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C trả cho tôi số tiền đã vay còn nợ lại của tôi là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 390221, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, diện tích 8250m^2, tọa lạc tại xã Cư H, huyện Ea K do UBND huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Lê Đình N vào ngày 14/11/1998. Đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang hộ ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị C vào ngày 18/6/2008 (Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 178 ngày 02 tháng 05 năm 2008) mà vợ chồng anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C đưa cho tôi để làm tin khi vay mượn khoản tiền 119.000.000 đồng thì tôi đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh T, chị C. Chị C đã trực tiếp nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

*** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án, bị đơn chị Phạm Thị C khai:**

Tôi thừa nhận về mối quan hệ và số nợ giữa vợ chồng tôi với ông Đoàn Hữu S. Cụ thể:

Vợ chồng tôi Đỗ Văn T - Phạm Thị C có nợ tiền của anh B (Đoàn Hữu S) số tiền vay gốc là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng) và tiền lãi như hai bên đã thỏa thuận. Đồng thời, khi chúng tôi vay tiền của ông Đoàn Hữu S thì ông Đoàn Hữu S có cầm cố của vợ chồng chúng tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 390221, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, diện tích 8250m^2, tọa lạc tại xã Cư H, huyện Ea K do UBND huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Lê Đình N vào ngày 14/11/1998. Đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang hộ ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị C vào ngày 18/6/2008 (Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 178 ngày 02 tháng 05 năm 2008).

Nay ông Đoàn Hữu S khởi kiện vợ chồng tôi là Đỗ Văn T - Phạm Thị C ra Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị C trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền vay gốc là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật thì tôi đồng ý trả số tiền trên.

Quá trình làm việc tại Tòa án thì chúng tôi (do tôi trực tiếp trả) đã trả được cho ông Đoàn Hữu S số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Hiện chúng tôi còn nợ lại ông Đoàn Hữu S số tiền 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng). Đồng thời ông Đoàn Hữu S có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần lãi suất nữa thì tôi hoàn toàn đồng ý.

Ông Đoàn Hữu S chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị C trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền đã vay còn nợ lại của ông là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng) thì tôi hoàn toàn đồng ý.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 390221, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, diện tích 8250m^2, tọa lạc tại xã Cư H, huyện Ea K do UBND huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Lê Đình N vào ngày 14/11/1998. Đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang hộ ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị C vào ngày 18/6/2008 (Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 178 ngày 02 tháng 05 năm 2008) mà ông Đoàn Hữu S cầm cố của vợ chồng chúng tôi khi chúng tôi vay tiền của ông S thì hiện nay ông Đoàn Hữu S đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho chúng tôi rồi (do tôi trực tiếp nhận).

*** Tại bản tự khai ngày 11 tháng 6 năm 2019, bị đơn anh Đỗ Văn T khai:**

Do có mối quan hệ quen biết với ông Đoàn Hữu S (tên thường gọi là Anh B) nên vào ngày 14/4/2013 vợ chồng tôi là Đỗ Văn T, Phạm Thị C có vay mượn tiền của ông Đoàn Hữu S (còn gọi là Anh B) số tiền là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng). Mục đích vay tiền của ông S là về để làm ăn. Tuy nhiên theo giấy vay tiền thì không nêu mục đích vay. Khi vay tiền thì giữa hai bên có lập giấy vay tiền, có chữ ký chữ viết của cả hai vợ chồng tôi. Theo giấy vay có nêu mức lãi là 2%/năm. Thời hạn trả là ngày 14/6 dương lịch.

Tuy nhiên đến ngày hẹn trả thì vợ chồng tôi là T - C vẫn chưa có tiền để trả nên vợ tôi có hẹn lại ngày trả là ngày 30/2 âm lịch và có chữ ký, chữ viết của vợ tôi Phạm Thị C dưới mục giấy vay tiền. Do làm ăn gặp khó khăn nên chúng tôi vẫn chưa có điều kiện trả số tiền vay gốc và lãi nêu trên nên đến ngày 29/5/2017 vợ tôi Phạm Thị C có hẹn lại ông Đoàn Hữu S là "hẹn đến cuối năm tháng 11 năm 2017 âm lịch sẽ thanh toán cả gốc và lãi". Kể từ đó cho đến nay do làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng tôi vẫn chưa trả số tiền đã vay gốc là 119.000.000 đồng và tiền lãi như thỏa thuận cho ông Đoàn Hữu S.

Khi vay tiền của ông Đoàn Hữu S thì ông Đoàn Hữu S có cầm cố của vợ chồng tôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 390221, thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19, diện tích 8250m^2, tọa lạc tại xã Cư H, huyện Ea K do UBND huyện Ea K, tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Lê Đình N vào ngày 14/11/1998. Đã được thay đổi cơ sở pháp lý sang hộ ông Đỗ Văn T, bà Phạm Thị C vào ngày 18/6/2008 (Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng số 178 ngày 02 tháng 05 năm 2008).

Nay ông Đoàn Hữu S khởi kiện vợ chồng tôi là Đỗ Văn T - Phạm Thị C ra Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn T và bà Phạm Thị C trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền vay gốc là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng) và tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật thì tôi cũng như vợ tôi Phạm Thị C đồng ý trả số tiền trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Hữu S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C trả cho ông số tiền đã vay còn nợ lại là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Văn T, chị Phạm Thị C vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hữu S. Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền đã vay còn nợ lại là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn vào đơn khởi kiện của ông Đoàn Hữu S, Hội đồng xét xử xác định đây là: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk. Nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hữu S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền đã vay còn nợ lại là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình làm việc tại Tòa án, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Vào ngày 14/4/2013 (Dịch) anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C có vay mượn tiền của ông Đoàn Hữu S (còn gọi là Anh B) với số tiền là 119.000.000 đồng (Một trăm mười chín triệu đồng). Mục đích vay tiền là về để làm ăn. Tuy nhiên theo giấy vay tiền thì không nêu mục đích vay. Khi vay tiền thì giữa hai bên có lập giấy vay tiền, có chữ viết của anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C. Theo giấy vay có nêu mức lãi là 2%/năm. Thời hạn trả là ngày 14/6 dương lịch. Tuy nhiên đến ngày hẹn trả thì anh T, chị C vẫn chưa có tiền để trả nên có hẹn lại ngày trả là ngày 30/2 âm lịch và có chữ ký, chữ viết của chị Phạm Thị C dưới mục giấy vay tiền. Do làm ăn gặp khó khăn nên anh T, chị C vẫn chưa có điều kiện trả số tiền vay gốc và lãi cho ông S nên đến ngày 29/5/2017 chị Phạm Thị C có hẹn lại ông Đoàn Hữu S là *"hẹn đến cuối năm tháng 11 năm 2017 âm lịch sẽ thanh toán cả gốc và lãi"* (BL 02). Kể từ đó cho đến nay do làm ăn gặp khó khăn nên anh T, chị C vẫn chưa trả số tiền đã vay gốc là 119.000.000 đồng và tiền lãi như thỏa thuận cho ông Đoàn Hữu S. Làm việc tại Tòa án, thì anh T - chị C (do chị C là người trực tiếp trả) đã trả được cho ông Đoàn Hữu S số tiền là 30.000.000 đồng. Hiện anh T, chị C còn nợ lại ông Đoàn Hữu S số tiền là 89.000.000 đồng.

Xét thấy, việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã

hội. Đến thời hạn trả nợ theo cam kết giữa hai bên thì bên vay là anh T, chị C vẫn không trả tiền đã vay cho ông S. Như vậy, anh T và chị C đã vi phạm thời hạn trả nợ vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó ông Đoàn Hữu S đã khởi kiện đối với anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C là có cơ sở.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Và tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hữu S. Nên buộc bị đơn anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền đã vay còn nợ lại là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Đối với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) đã được anh Đỗ Văn T, chị Phạm Thị C trả cho ông Đoàn Hữu S (do chị C trực tiếp trả) trong quá trình làm việc tại Tòa án, thì ông Đoàn Hữu S đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này đồng thời rút yêu cầu khởi kiện về lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần lãi suất nữa. Vì vậy, đã được Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện tại Quyết định số 68/2019/QĐST-DS ngày 20/9/2019.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C phải chịu 4.450.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. (Theo mức tính: 89.000.000 đồng x 5% = 4.450.000 đồng).

Nguyên đơn ông Đoàn Hữu S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 17/2019/TB-TA ngày 22 tháng 5 năm 2019 nên không phải hoàn trả án phí cho ông Đoàn Hữu S.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Hữu S.

Buộc anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Hữu S số tiền đã vay còn nợ lại là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày án ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải chịu thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Đỗ Văn T và chị Phạm Thị C phải chịu 4.450.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh